

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Các công ty con

Công ty và các công ty con bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,5.%	57,5.%	57,5.%	57,5.%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ⁽ⁱ⁾	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36.%	36%	36.%	36%

- ⁽ⁱ⁾ Mặc dù tỷ lệ vốn góp của Công ty trong Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ít hơn 50% nhưng Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị của công ty này. Do vậy Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính.

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh có trụ sở chính tại thửa đất số 7,8,9,12, tờ bản đồ số 66, Khu kinh tế Cửa khẩu Mộc Bài, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là: sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải; vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy; bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901222613 ngày 22 tháng 04 năm 2016 của Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh, tỷ lệ góp vốn của Công ty vào công ty liên kết là 24%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ góp vốn của Công ty vào công ty liên kết theo số vốn thực góp là 50%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty và các công ty con có 652 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 658 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty và các công ty con áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong Công ty và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và các công ty con và ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty và các công ty con có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty và các công ty con nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty và các công ty con trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty và các công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty và các công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và các công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền/ và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty và các công ty con chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 05
Tài sản cố định khác	3 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty và các công ty con là chương trình phần mềm máy tính:

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty và các công ty con đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty và các công ty con) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty và các công ty con phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Công ty và các công ty con không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thương mại. Nếu phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty và các công ty con ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty và các công ty con hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty và các công ty con phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty và các công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty và các công ty con đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

25. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty và các công ty con gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty và các công ty con gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty và các công ty con sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty và các công ty con:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.573.973.627	1.175.242.725
Tiền gửi ngân hàng	12.001.351.879	10.069.356.939
Các khoản tương đương tiền	140.000.000.000	123.000.000.000
Cộng	<u>153.575.325.506</u>	<u>134.244.599.664</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty và các công ty con chỉ có đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh. Thông tin về khoản đầu tư vào Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	2.000.000.000	1.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(32.215.621)	(83.187.230)
Cộng	<u>1.967.784.379</u>	<u>916.812.770</u>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901222613 ngày 22 tháng 04 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh 7.200.000.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 2.000.000.000 VND, tỷ lệ vốn góp của Công ty trong số vốn điều lệ thực góp của Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh là 5.200.000.000 VND.

Giá trị phần sở hữu của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	916.812.770	
Góp vốn	1.000.000.000	1.000.000.000
Phần lãi hoặc lỗ	50.971.609	(83.187.230)
Số cuối năm	<u>1.967.784.379</u>	<u>916.812.770</u>

Giao dịch với công ty liên kết

Trong năm Công ty và các công ty con chỉ phát sinh giao dịch góp vốn vào Công ty liên kết với số tiền là 1.000.000.000 VND.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>51.762.211.811</u>	<u>41.754.063.952</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	49.765.701.279	40.557.872.577
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	79.250.900	2.530.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		11.220.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.283.906.150	397.717.725
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		14.630.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng		6.050.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	55.000.000	
Công ty Cổ phần Container lạnh Tân Cảng	514.338.182	
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Tây Ninh	31.075.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	32.940.300	11.601.650
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng- Long Bình		13.200.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai		359.832.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương		93.225.000
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng Cái Mép		235.235.000
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng - Long Bình		50.950.000
Phải thu các khách hàng khác	61.636.376.381	58.477.435.659
Công ty TNHH Eculine Việt Nam	975.311.474	1.004.347.079
Chi nhánh Công ty TNHH Toàn cầu Khải Minh	1.593.263.373	1.602.148.082
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tân Vĩnh Thịnh	1.762.118.601	2.106.926.157
Công ty TNHH Thương mại & Giao nhận Vận tải Đại Sơn	612.700.000	1.492.620.000
Công ty TNHH Shipco Transport Việt Nam	2.560.991.815	2.048.969.236
Công ty Cổ phần Fococev Việt Nam	398.992.000	1.618.744.600
Công ty TNHH Một thành viên Innopack Việt Nam	3.406.935.000	7.293.025.526
Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn	6.784.297.392	7.922.772.113
Công ty Cổ phần Thái Minh	1.005.406.277	1.033.458.648
Công ty TNHH Một thành viên Tiếp Vận và Phân Phối Phương Đông	908.736.053	1.025.802.332
Công ty TNHH Vi Na Quốc tế Vận chuyển Hoàng Đế	1.175.521.087	1.139.266.879
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Huỳnh Thy	43.539.000	
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thương mại Dịch vụ Hoa và Tiến	1.296.990.000	
Các khách hàng khác	39.111.574.309	35.436.852.102
Cộng	113.398.588.192	100.231.499.611
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	657.299.191	464.700.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		464.700.000
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	657.299.191	
Trả trước cho các người bán khác	3.751.877.208	3.730.976.927
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Vận tải An Gia	800.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim		3.348.000.000
Công ty TNHH A.D.A	68.616.000	
Công ty TNHH HT TB UMW (Việt Nam)	1.410.200.000	
Công ty Cổ phần Cơ khí Tân Thanh		186.000.000
Công ty TNHH TM DV Long Đại Phát	73.078.500	73.078.500
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa Pacific	93.970.765	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á		15.000.000
Công ty TNHH Hiệp Lực	1.242.556.325	
Các nhà cung cấp khác	63.455.618	108.898.427
Cộng	<u>4.409.176.399</u>	<u>4.195.676.927</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>681.793.393</i>		<i>492.495.077</i>	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - tiền ăn ca, phí làm hàng	408.525.600		492.495.077	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái - Tiền lương chi hộ	198.159.094			
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình - Các khoản chi hộ	3.430.000			
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Sóng Thần - Các khoản chi hộ	2.063.000			
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng – Sóng Thần - Các khoản chi hộ	692.000			
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng – Long Bình - Các khoản chi hộ	15.460.000			
Công ty TNHH Tân Cảng – Tây Ninh - Các khoản chi hộ	7.790.000			
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Các khoản chi hộ	41.388.699			
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng - Các khoản chi hộ	2.650.000			
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Miền Trung - Các khoản chi hộ	1.635.000			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân</i>	<i>9.257.838.590</i>		<i>5.252.485.171</i>	
Phải thu BHXH, BHYT			12.647.521	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	591.766.667		528.333.333	
Ký cược, ký quỹ	710.482.000		862.332.000	
Tạm ứng	4.604.300.443		2.698.729.085	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản chi hộ	3.350.513.607		1.126.941.209	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra chưa kê khai			402.023	
Thuế TNCN phải thu từ cổ tức			23.100.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Truy thu Quyết toán thuế TNCN)	775.873			
Cộng	9.939.631.983		5.744.980.248	

6. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký cược, ký quỹ	699.600.000	
Cộng	699.600.000	

7. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Công ty TNHH Asian Groupage Servicers Việt Nam	3 năm	129.156.004		3 năm	129.156.004	
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>		<i>129.156.004</i>			<i>129.156.004</i>	
Cộng		129.156.004			129.156.004	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	129.156.004		129.156.004
Trích lập dự phòng bổ sung			
Hoàn nhập dự phòng			
Số cuối năm	129.156.004		129.156.004

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường			86.925.274	
Nguyên liệu, vật liệu	3.264.080.868		1.567.467.472	
Cộng	3.264.080.868		1.654.392.746	

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.296.803.898	2.282.627.199
Chi phí sửa chữa tài sản	629.301.496	997.466.608
Chi phí bảo hiểm	318.020.165	991.069.831
Chi phí vé cầu đường	30.774.725	265.909.091
Chi phí đồng phục	34.650.000	36.469.599
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.217.888.385	1.792.148.339
Cộng	<u>5.527.438.669</u>	<u>6.365.690.667</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	3.364.318.910	1.757.559.295
Chi phí sửa chữa nhà cửa, kho bãi	464.803.089	8.022.551.108
Chi phí sửa chữa lớn máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	68.083.334	
Bảo hiểm phương tiện		126.545.454
Chi phí thuê bãi	516.454.562	718.545.467
Các chi phí trả trước dài hạn khác	5.371.081.533	666.283.715
Cộng	<u>9.784.741.428</u>	<u>11.291.485.039</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	134.749.821.909	255.676.302.350	192.514.109.819 -	4.920.901.268	40.624.373.399	628.485.508.745
Mua trong năm		864.986.000	18.732.874.958		5.576.454.861	25.174.315.819
Đầu tư XD/CB hoàn thành	11.249.412.232					11.249.412.232
Thanh lý, nhượng bán	(657.650.000)					(657.650.000)
Phân loại lại	(3.961.586.492)			59.924.931		(3.247.931.541)
Số cuối năm	141.379.997.649	256.541.288.350	211.246.984.777	4.980.826.199	46.854.558.280	661.003.655.255
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		56.626.998.619	5.454.495.363	3.092.814.147	1.492.297.704	66.666.605.833
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	34.089.230.939	99.403.163.804	75.171.097.720 -	4.036.380.626	10.863.191.990	223.563.065.079
Khấu hao trong năm	10.548.774.312	24.227.772.023	26.325.646.131	607.483.432	7.986.917.705	69.696.593.603
Thanh lý, nhượng bán						
Phân loại lại	(61.654.680)					(61.654.680)
Số cuối năm	44.576.350.571	123.630.935.827	101.496.743.851	4.643.864.058	18.850.109.695	293.198.004.002
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	100.660.590.970	156.273.138.546	117.343.012.099	884.520.642	29.761.181.409	404.922.443.666
Số cuối năm	96.803.647.078	132.910.352.523	109.750.240.926	336.962.141	28.004.448.585	367.805.651.253
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 305.742.759.088 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	2.219.631.800	(619.607.429)	1.600.024.371
Tăng do mua sắm trong năm	1.549.000.000		1.549.000.000
Khấu hao trong năm		(762.288.270)	(762.288.270)
Số cuối năm	3.768.631.800	(1.381.895.699)	2.386.736.101

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định		22.831.901.273	(22.831.901.273)	
Xây dựng cơ bản dở dang		16.866.695.988	(13.213.129.187)	3.653.566.801
Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái 2000 m ²		11.249.412.232	(8.850.947.051)	2.398.465.181
Hệ thống PCCC kho CFS 2,3 Cát Lái		4.362.182.136	(4.362.182.136)	
Mở rộng văn phòng kho 5 Cát Lái		32.537.120		32.537.120
Phần mềm kho ngoại quan WMSVN		1.222.564.500		1.222.564.500
Cộng		39.698.597.261		3.653.566.801

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

13a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	698.968.611	698.968.611
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(366.168.195)	519.195.193
Phát sinh trong năm	851.995.609	1.218.163.804
Hoàn nhập trong năm	(1.218.163.804)	(698.968.611)
Số cuối năm	851.995.609	1.218.163.804

13b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	37.390.226.470	24.034.000.214
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	548.117.005	218.105.030
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	1.004.351.590	1.097.427.650

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.471.895.027	2.774.151.199
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	24.524.991.245	13.732.209.832
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	380.125.900	353.360.181
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	76.554.400	215.300.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	58.116.663	188.139.996
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.076.396.610	1.642.027.426
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng		325.890.420
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép		62.480.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	477.829.900	1.043.922.550
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	2.752.189.130	2.022.055.280
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	2.772.000	42.078.300
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	146.938.000	11.120.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	61.646.200	71.573.700
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	199.686.300	222.653.200
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	6.867.300	11.505.450
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu	225.170.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	593.990.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Long Bình	2.222.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	1.075.770.540	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	75.000.200	
Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh	119.188.520	
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	1.510.407.940	
Phải trả các nhà cung cấp khác	29.617.430.122	25.085.424.861
Hợp tác xã Xếp dỡ Cơ giới Đại Thành	1.921.144.951	2.237.476.780
Công ty Cổ phần Xếp dỡ Hai Hai Mười Hai	1.867.026.850	1.946.675.199
Công ty Cổ phần Vận tải Vĩnh Đức	953.890.881	1.098.081.820
Công ty TNHH Đông Nam Tyres	988.031.000	
Công ty Cổ phần Thang máy Thiên Nam		143.550.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ PCCC Tân Tân Cảng	3.553.745.606	
Công ty Cổ phần Thương mại Việt Toàn Cầu		4.538.547.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hàng hải Hoàng Giang	1.954.540.496	1.406.344.280
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Vận tải Thái Thiên		428.715.100
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Thiện Hào		304.975.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Gia Việt	2.210.315.987	1.788.959.305

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vò xe Da Na	800.000.000	
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cơ giới Yale Việt Nam	132.000.000	1.896.400.000
Công ty TNHH MGA Việt Nam	847.956.000	
Các nhà cung cấp khác	14.388.778.351	9.295.700.377
Cộng	<u>67.007.656.592</u>	<u>49.119.425.075</u>

Công ty và các công ty con không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.245.124.959	25.366.015	30.864.297.400	(28.837.404.188)	3.246.652.156	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			1.104.445.800	(1.104.445.800)		
Thuế xuất, nhập khẩu			525.294.000	(525.294.000)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.219.975.188		17.155.307.078	(20.698.680.046)	4.305.471.178	
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ cho bên liên doanh	628.868.958					
Thuế thu nhập cá nhân	740.484.880		3.842.288.699	(3.802.124.982)	780.648.597	
Các loại thuế khác			8.000.000	(8.000.000)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		12.657.641	103.482.360	(103.482.360)		12.657.641
Cộng	<u>9.834.453.985</u>	<u>38.023.656</u>	<u>53.603.115.337</u>	<u>(55.079.431.376)</u>	<u>8.332.771.931</u>	<u>12.657.641</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và các công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	79.595.878.369	79.543.552.958
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.720.614.004	5.555.634.043

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.670.125.973	9.290.005.026
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	4.452.667.248	3.114.070.005
<i>Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ</i>	4.259.978.046	6.090.819.020
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền năm trước đã thực hiện trong năm nay</i>	8.452.288	1.928.771
<i>Lãi lỗ công ty liên kết</i>	(50.971.609)	83.187.230
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.949.511.969)	(3.734.370.983)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	(280.753)	(8.452.288)
<i>Chi phí trích trước năm trước năm nay đã có hóa đơn chứng từ</i>	(6.090.819.020)	(3.494.843.055)
<i>Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên kết</i>	141.587.804	(231.075.640)
Thu nhập tính thuế	82.316.492.373	85.099.187.001
Thu nhập theo thuế suất 20%	82.316.492.373	85.099.187.001
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất 20%	16.463.298.475	17.019.837.401
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	16.463.298.475	17.019.837.401
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		44.732.173
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	16.463.298.475	17.064.569.574

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và các công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		184.362.750
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng- Chi phí xếp dỡ	474.936.021	184.362.750
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		5.408.940.707
Chi phí cước điện thoại	17.606.447	32.690.695
Chi phí lãi vay phải trả	82.855.841	107.793.947
Chi phí lãi vay chia cho bên liên doanh	73.535.774	68.709.725
Chi phí quà tặng khách hàng		3.043.636.364
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	368.228.000	379.412.000
Chi phí cước vận chuyển quốc tế	76.590.765	
Chi phí thuê kho	16.667.000	195.000.000
Chi phí trang phục	1.736.410.000	
Chi phí cho người lao động	1.366.150.000	1.114.700.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê xe nâng		226.118.182
Chi phí hoa hồng	112.752.273	71.377.777
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	344.122.183	169.502.017
Cộng	<u>4.669.854.304</u>	<u>5.593.303.457</u>

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>3.088.689.208</i>	<i>2.114.655.330</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Lãi hợp tác kinh doanh	3.088.689.208	2.114.655.330
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>6.514.431.646</i>	<i>5.822.720.749</i>
Kinh phí công đoàn	780.747.407	577.642.961
Bảo hiểm xã hội	1.158.124.639	1.532.700.881
Bảo hiểm y tế	61.352.415	94.938.281
Bảo hiểm thất nghiệp	4.379.042	19.435.812
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	503.000.000	543.600.000
Tiền cược container		354.460.000
Tiền hoa hồng môi giới	159.353.761	106.349.445
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.377.225.650	1.787.740.895
Chiết khấu thương mại phải trả khách hàng		118.521.635
Các khoản phải trả người lao động	140.198.791	271.431.697
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.330.049.941	415.899.142
Cộng	<u>9.603.120.854</u>	<u>7.937.376.079</u>

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>8.621.612.981</i>	<i>8.621.612.981</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - vốn góp hợp tác kinh doanh	8.621.612.981	8.621.612.981
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>22.330.000</i>	<i>22.330.000</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	22.330.000	22.330.000
Cộng	<u>8.643.942.981</u>	<u>8.643.942.981</u>

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty và các công ty con không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>50.270.539.304</i>	<i>59.333.629.852</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng		11.978.163.040
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽¹⁾		11.978.163.040

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)		47.355.466.812
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú	48.600.139.304	45.685.066.812
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1.670.400.000	1.670.400.000
Cộng	50.270.539.304	59.333.629.852

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú theo hợp đồng cấp tín dụng số 8630.16.151.687490.TD ngày 23 tháng 6 năm 2016 để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC/bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh giai đoạn 2016 - 2017. Thời hạn vay không vượt quá 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là các phương tiện vận tải đang đảm bảo cho nghĩa vụ trung hạn của Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và các khoản phải thu luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái theo Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 98.15.151.687490 ngày 27 tháng 6 năm 2015.

Công ty và các công ty con có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	11.978.163.040	23.898.448.627		(35.876.611.667)	
Vay dài hạn đến hạn trả	47.355.466.812		52.839.242.470	(49.924.169.978)	50.270.539.304
Cộng	59.333.629.852	23.898.448.627	52.839.242.470	(85.800.781.645)	50.270.539.304

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	165.599.916.535	195.075.612.005
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	163.233.516.535	191.038.812.005
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á ⁽ⁱⁱ⁾	2.366.400.000	4.036.800.000
Cộng	165.599.916.535	195.075.612.005

Công ty và các công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay sau:
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 419.14.151.223344.TD ngày 14 tháng 8 năm 2014 trong thời hạn 6 năm với lãi suất được xác định trên từng khế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư 01 xe nâng container Kalmar Reachstacher model DRT450. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 498.14.151.223344.TD ngày 23 tháng 7 năm 2014 trong thời hạn 6 năm với lãi suất được xác định trên từng khế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư mua 10 xe đầu kéo hiệu Terberg model YT220 MKII chạy trong cảng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 562.14.151.223344.TD ngày 19 tháng 8 năm 2014 trong thời hạn 8 năm với lãi suất được xác định trên từng khế ước nhận nợ để bổ sung vốn tài trợ dự án Nhà văn phòng Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 593.14.151.223344.TD ngày 30 tháng 9 năm 2014 trong thời hạn 8 năm với lãi suất được xác định trên từng khế ước nhận nợ để bổ sung vốn tài trợ dự án "Đầu tư xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái". Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- khai thác lô đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19 tháng 10 năm 2010 và phụ lục số 04-1989/PLHĐ ngày 15 tháng 3 năm 2014 - Thuê đất xây dựng kho ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn đến năm 2025, quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 848.14.151.223344.TD ngày 26 tháng 11 năm 2014 trong thời hạn 10 năm với lãi suất được xác định trên từng kế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư mua 2 cầu khung bánh lốp RTG 6+1 hiệu Kalmar.
 - Hợp đồng cấp tín dụng số 50.15.151.223344.TD ngày 21 tháng 3 năm 2015 trong thời hạn 5 năm với lãi suất được xác định trên từng kế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư 30 xe đầu kéo và 45 somi romooc. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp phương tiện số 94.15.151.223344.BĐ ngày 01 tháng 7 năm 2015.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 22671.16.151.223344.TD ngày 25 tháng 10 năm 2016 trong thời hạn 6 năm với lãi suất được xác định trên từng kế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư 6 xe đầu kéo chạy nội bộ.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 26507.17.151.223344.TD ngày 13 tháng 11 năm 2017 trong thời hạn 5 năm với lãi suất được xác định trên từng kế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư 15 sơ mi rơ mooc chạy ngoài.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 506.13.151.687490.TD ngày 22 tháng 11 năm 2013 để thanh toán bù đắp tiền mua xe nâng container Kalmar Reachstacker Contchamp DRF450 - 60S5M theo hợp đồng CLL-UNV/TB/12-01 ngày 26/12/2012 và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 54 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 01 xe nâng container Kalmar hình thành từ vốn vay trị giá 10.000.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp số 138.13.151.687490.ĐB.DN.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 150.13.151.687490.TD.DN ngày 31 tháng 5 năm 2013 để mua xe nâng container Kalmar Reachstacker Contchamp DRF450 - 60S5M và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 01 xe nâng container Kalmar trị giá 375.000 EUR tương đương 10.000.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 138.13.151.687490.ĐB.DN.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 151.13.151.687490.TD.DN ngày 31 tháng 5 năm 2013 để thanh toán một phần tiền mua 10 xe ô tô Cabin Chassic tải ISUZU QKR55H và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 10 xe ô tô nhãn hiệu ISUZU hình thành từ vốn vay được định giá là 4.425.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp ô tô số 139.13.151.687490.ĐB.DN.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0051/ĐTDA/13CD ngày 30 tháng 12 năm 2013 để thanh toán một phần tiền mua 10 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEF và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 10 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEF hình thành từ vốn vay được định giá là 18.054.545.455 VND theo hợp đồng thế chấp ô tô số 0094/NHNT-TC.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 403.14.151.687490.TD ngày 28 tháng 05 năm 2014 để thanh toán một phần tiền mua 20 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEF và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 20 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEF hình thành từ vốn vay được định giá là 31.776.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp ô tô số 222.14.151.687490.BĐ.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 869.14.151.687490.TD ngày 30 tháng 12 năm 2014 để thanh toán một phần tiền mua 10 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEF và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 10 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEF hình thành từ vốn vay được định giá là 10.200.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp ô tô số 676.14.151.687490.BĐ.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 147.15.151.687490.TD ngày 31 tháng 8 năm 2015 để cho vay thanh toán LC nhập khẩu 01 cầu bờ Kocks theo Hợp đồng số 73024/CATLAILOGISTICS/KAK/2015 ngày 26 tháng 3 năm 2015 giữa Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái và Kocks Ardelt Kranbau GMBH. Thời hạn vay là 10 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời gian ân hạn gốc 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là 01 cầu bờ container hiệu Kocks có sức nâng tối đa 40 tấn, các cấu kiện được sản xuất năm 2015 tại Châu Âu mới 100%, phần kết cấu thép được sản xuất tại Việt Nam theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 126.15.151.687490.BD.
 - Hợp đồng cấp tín dụng số 27377.15.154.1317222.TD ngày 06/10/2015 để bổ sung vốn thanh toán tiền mua 02 xe đầu kéo nhãn hiệu CHENGLONG theo hợp đồng kinh tế số 1713/HĐKT/HA-TCHL/2015 ký ngày 05/08/2015 với công ty TNHH ô tô Hải Âu và 02 sơ mi romooc theo hợp đồng mua bán số 640/2015/HDMB ký ngày 28/08/2015 với công ty Cổ phần Thương mại Cơ khí Tân Thanh. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp ô tô số 27378.15.154.1317222.BĐ ngày 06 tháng 10 năm 2015.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 22671.16.151.223344.TD ngày 25 tháng 10 năm 2016 trong thời hạn 6 năm với lãi suất được xác định trên từng kế ước nhận nợ để bổ sung vốn đầu tư 6 xe đầu kéo chạy nội bộ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 182.15.151.223344.TG ngày 09 tháng 10 năm 2015, trị giá 4.000.000.000 VND và được giải ngân trong năm 2017.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 127915/HĐTD-TDH/DN ngày 27 tháng 5 năm 2015 để đầu tư mua sắm Tài sản cố định. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là 06 xe ô tô đầu kéo hiệu Daewoo V3TEF, mới 100%, công suất 340PS, sản xuất năm 2015 theo hợp đồng thế chấp ô tô số 127915/HĐTC-TDH/DN ngày 27 tháng 5 năm 2015, tổng giá trị tài sản thế chấp là 10.440.000.000 VND.

Công ty và các công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	47.355.466.812	47.355.466.812
Trên 1 năm đến 5 năm	138.688.363.135	138.688.363.135
Trên 5 năm	35.587.490.528	56.387.248.870
Cộng	<u>215.870.455.839</u>	<u>242.431.078.817</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	195.075.612.005	183.447.803.151
Số tiền vay phát sinh	61.838.360.823	23.363.547.000
Số tiền vay đã trả		(2.855.085.157)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(52.839.242.470)	(47.355.466.812)
Số cuối năm	<u>165.599.916.535</u>	<u>195.075.612.005</u>

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty và các công ty con không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	2.996.994.989	3.310.710.040	66.750.000	(2.458.835.513)	3.915.619.516
Quỹ phúc lợi	4.562.591.462	6.187.767.904	607.000.000	(5.840.803.372)	5.516.555.994
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	700.000.000	991.661.363		(1.072.911.363)	618.750.000
Cộng	<u>8.259.586.451</u>	<u>10.490.139.307</u>	<u>673.750.000</u>	<u>(9.372.550.248)</u>	<u>10.050.925.510</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	149.982.580.000	28.464.598.427	69.344.612.902	27.693.000.095	275.484.791.424
Mua lại vốn góp của công ty con				(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Lợi nhuận trong năm trước		5.688.913.460	59.096.701.953	3.901.476.624	62.998.178.577
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ		323.823.931	(14.722.283.650)		(9.033.370.190)
Trích lập các quỹ tại Công ty con			(769.564.172)	(343.827.389)	(789.567.630)
Chia cổ tức năm 2015			(22.497.387.000)	(2.253.600.000)	(24.750.987.000)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con		345.939.649	111.990.690	(457.930.339)	(169.666.667)
Thù lao HĐQT, BKS			(61.080.000)	(108.586.667)	(169.666.667)
Số dư cuối năm trước	149.982.580.000	34.823.275.467	90.502.990.723	24.430.532.324	299.739.378.514
Số dư đầu năm nay	149.982.580.000	34.823.275.467	90.502.990.723	24.430.532.324	299.739.378.514
Lợi nhuận trong năm nay			58.836.331.794	3.930.079.505	62.766.411.299
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ		5.754.115.726	(15.121.950.677)		(9.367.834.951)
Trích lập các quỹ tại Công ty con		405.754.317	(988.663.630)	(539.395.043)	(1.122.304.356)
Chia cổ tức			(26.996.864.400)	(2.852.000.000)	(29.848.864.400)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con			(50.400.000)	(89.600.000)	(140.000.000)
Thù lao HĐQT, BKS					
Số dư cuối năm nay	149.982.580.000	40.983.145.510	106.181.443.810	24.879.616.786	322.026.786.106

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	88.500.000.000	88.500.000.000
Các cổ đông khác	61.482.580.000	61.482.580.000
Cộng	149.982.580.000	149.982.580.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	88.500.000.000	59,01%	88.500.000.000	
Các cổ đông khác	61.482.580.000	40,99%	61.482.580.000	
Cộng	149.982.580.000	100,00%	149.982.580.000	

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.998.258	14.998.258
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.998.258</i>	<i>14.998.258</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.998.258	14.998.258
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.998.258</i>	<i>14.998.258</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 26.996.864.400
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 5.893.028.526
• Trích quỹ khen thưởng	: 5.893.028.526
• Trích quỹ phúc lợi	: 2.946.514.262
• Trích quỹ thưởng ban điều hành	: 736.661.363

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	11.144,62	20.537,53

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán nhiên liệu	1.326.631.564	1.091.304.327
Doanh thu dịch vụ	678.090.587.120	621.662.957.009
Cộng	<u>679.417.218.684</u>	<u>622.754.261.336</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty và các công ty con còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
<i>Cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ</i>	237.074.884.839	208.420.972.781
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	197.089.636	7.075.136
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
<i>Công ty cung cấp nhiên liệu</i>	7.000.000	321.700.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	7.272.727	
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	15.713.535.757	3.026.108.888
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	119.945.455	340.118.182
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	44.850.000	20.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>		5.500.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	162.598.226	11.046.955
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình		
<i>Công ty cung cấp dịch vụ</i>	168.309.091	584.509.092
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	102.950.000	457.270.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bình Dương		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	296.555.599	88.332.450
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng Cái Mép		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	5.400.000	276.050.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Mekong		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>		41.240.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng miền Trung		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	50.000.000	135.316.800
Công ty Cổ phần Tiếp vận Texhong Tân Cảng		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	800.000	1.100.000
Công ty Cổ phần Cảng Tân cảng Hiệp Phước		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	5.272.727	
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Sóng Thần		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	20.569.455	
Công ty Cổ phần TM & DV Container lạnh Tân Cảng		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	467.580.165	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng – Vũng Tàu		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	22.318.182	
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Tây Ninh		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	147.040.909	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại		120.113.261
Giảm giá hàng bán		
Cộng		120.113.261
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán nhiên liệu	1.338.035.175	1.067.749.552
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	537.847.150.783	476.674.380.742
Cộng	539.185.185.958	477.742.130.294
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.025.041.934	4.661.821.871
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	38.722.833	38.494.348
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	52.695.323	56.128.433
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	277.149	7.705.161
Cộng	6.116.737.239	4.764.149.813
5. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	17.139.505.698	18.521.968.094
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	39.943.242	204.253.412
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.000	
Cộng	17.179.450.940	18.726.221.506

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.833.371.097	2.649.209.939
Các chi phí khác	3.668.402.239	3.238.319.134
Cộng	6.501.773.336	5.887.529.073

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	16.426.784.478	15.657.710.756
Chi phí vật liệu quản lý	1.023.238.256	456.900.915
Chi phí đồ dùng văn phòng	827.847.108	1.695.921.512
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.220.012.959	1.040.209.786
Thuế, phí và lệ phí	284.755.376	145.971.923
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	603.803.889	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.130.483.256	7.754.187.884
Các chi phí khác	13.469.865.184	17.713.360.453
Cộng	42.986.790.506	44.464.263.229

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	131.277.408	53.000.000
Tiền thu từ hàng hóa tồn thất		22.363.824
Thu nộp phạt tiền nhiên liệu vượt định mức	794.315.134	388.649.711
Thu tiền bán hồ sơ thầu	10.909.092	10.000.001
Tiền bồi thường bảo hiểm		67.000.000
Thu nhập khác	375.291.998	43.218.655
Cộng	1.311.793.632	584.232.191

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bồi thường tổn thất	288.013.020	516.704.151
Thưởng tiền nhiên liệu tiết kiệm so với định mức	977.843.569	407.300.594
Thuế bị phạt, bị truy thu		434.647.442
Chi phí phạt vi phạm hành chính	16.500.000	71.408.700
Chi phí đền bù vi phạm hợp đồng		3.370.986
Lãi chậm nộp bảo hiểm	3.501.752	26.302.546
Chi phí khác	161.783.714	75.911.370
Cộng	1.447.642.055	1.535.645.789

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.218.163.804	698.968.611
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(851.995.609)	(1.218.163.804)
Cộng	<u>366.168.195</u>	<u>(519.195.193)</u>

11. Lãi trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	58.836.331.794	59.096.701.953
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(10.630.139.307)	(9.465.277.814)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	48.206.192.487	49.631.424.139
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	14.998.258	14.998.258
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>3.214</u>	<u>3.309</u>

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.888.520.662	53.407.489.517
Chi phí nhân công	145.738.419.306	142.446.448.247
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.986.014.441	66.991.334.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	274.537.979.326	222.644.573.322
Chi phí khác	48.522.816.065	41.536.327.638
Cộng	<u>588.673.749.800</u>	<u>527.026.173.044</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty và các công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty và các công ty con không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty và các công ty con không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.108.850.962	2.066.457.777
Tiền thưởng	1.241.179.038	1.233.542.223
Cộng	<u>3.350.000.000</u>	<u>3.300.000.000</u>

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty và các công ty con gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Bay Và Du lịch Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty và các công ty con còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>		
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ	19.385.891.637	10.650.245.516
Công ty mẹ cho thuê cơ sở hạ tầng	19.067.208.545	21.051.672.000
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ tư vấn	3.171.643.979	2.842.925.770
Công ty mẹ cho thuê phương tiện	1.776.000.000	1.776.000.000
Công ty mẹ cung cấp điện, nước, khám sức khỏe	3.306.872.551	2.087.271.594
Chi trả cổ tức cho Công ty mẹ	15.930.000.000	13.275.000.000
<i>Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần</i>		
Cung cấp dịch vụ	4.413.313.004	3.590.314.100
<i>Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công Trình Tân Cảng</i>		
Xây dựng kho		4.545.454.545
<i>Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng</i>		
Cung cấp dịch vụ	2.323.634.227	4.202.480.851
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng</i>		
Cung cấp dịch vụ	13.638.858.166	12.185.536.364
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng</i>		
Cung cấp dịch vụ	5.684.459.007	7.130.727.467
Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái		4.000.000.000
Chi trả cổ tức trong năm		400.000.000
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng</i>		
Cung cấp dịch vụ	369.802.620	470.768.760
<i>Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình</i>		
Cung cấp dịch vụ	3.755.226.446	3.457.486.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	2.556.836.024	2.792.583.004
Mua sắm tài sản cố định hữu hình	3.685.280.500	3.703.755.727
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC		
Cung cấp dịch vụ	404.538.809	343.335.500
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái		
Cung cấp dịch vụ	5.400.000	12.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu		
Cung cấp dịch vụ	848.709.000	202.412.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Asaco		
Cung cấp dịch vụ		2.145.728.900
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng		
Mua xăng dầu	26.842.407.548	14.056.708.727
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	80.627.000	188.786.500
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai		
Cung cấp dịch vụ	177.805.455	10.109.091
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước		
Cung cấp dịch vụ	347.036.000	221.826.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành		
Cung cấp dịch vụ		246.550.000
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép		
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	988.200.000	279.950.000
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng		
Phải trả phí dịch vụ	37.822.500	71.161.500
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung		
Phải trả phí dịch vụ	68.182.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu		
Phải trả phí dịch vụ	303.370.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Long Bình		
Phải trả phí dịch vụ	15.420.000	
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Bay Và Du lịch Biển Tân Cảng		
	12.946.602	
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ		
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng		
Phải trả phí dịch vụ	108.128.371	
Công nợ với các bên liên quan khác		
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13, V.15 và V.16.		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty và các công ty con chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Liên

Kế toán trưởng

Võ Thị Xuân Lan

Giám đốc

Bùi Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Mã số thuế: 0309532497

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		289.881.711.254	253.216.829.287
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	153.575.325.506	134.244.599.664
1.Tiền	111		13.575.325.506	11.244.599.664
2.Các khoản tương đương tiền	112		140.000.000.000	123.000.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
1.Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		127.502.208.570	110.043.000.782
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	113.398.588.192	100.231.499.611
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.409.176.399	4.195.676.927
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	9.939.631.983	5.744.980.248
7.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(245.188.004)	(129.156.004)
8.Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.Hàng tồn kho	140		3.264.080.868	1.654.392.746
1.Hàng tồn kho	141	V.7	3.264.080.868	1.654.392.746
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		5.540.096.310	7.274.836.095
1.Chí phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.527.438.669	6.365.690.667
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	871.121.772
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	12.657.641	38.023.656
4.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		387.150.075.571	419.948.929.650
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		699.600.000	
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2.Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4.Phải thu dài hạn nội bộ	214			
5.Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6.Phải thu dài hạn khác	216		699.600.000	

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		370.192.387.354	406.522.468.037
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	367.805.651.253	404.922.443.666
- Nguyên giá	222		661.003.655.255	628.485.508.745
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(293.198.004.002)	(223.563.065.079)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.386.736.101	1.600.024.371
- Nguyên giá	228		3.768.631.800	2.219.631.800
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.381.895.699)	(619.607.429)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.653.566.801	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	3.653.566.801	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.967.784.379	916.812.770
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.967.784.379	916.812.770
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác			10.636.737.037	12.509.648.843
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	9.784.741.428	11.291.485.039
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	851.995.609	1.218.163.804
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		677.031.786.825	673.165.758.937
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	5	4
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		355.005.000.719	373.426.380.423
I. Nợ ngắn hạn	310		180.761.141.203	169.706.825.437
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	67.007.656.592	49.119.425.075
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	130.735.817	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	8.332.771.931	9.834.453.985
4. Phải trả người lao động	314		30.695.536.891	29.629.050.538
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	4.669.854.304	5.593.303.457
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	9.603.120.854	7.937.376.079
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	50.270.539.304	59.333.629.852
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	10.050.925.510	8.259.586.451
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
14.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.Nợ dài hạn	330		174.243.859.516	203.719.554.986
1.Phải trả người bán dài hạn	331			
2.Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3.Chi phí phải trả dài hạn	333			
4.Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5.Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7.Phải trả dài hạn khác	337		8.643.942.981	8.643.942.981
8.Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18a	165.599.916.535	195.075.612.005
9.Trái phiếu chuyển đổi	339			
10.Cổ phiếu ưu đãi	340			
11.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12.Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13.Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		322.026.786.106	299.739.378.514
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.20	322.026.786.106	299.739.378.514
1.Vốn góp của chủ sở hữu	411		149.982.580.000	149.982.580.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412			
3.Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4.Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5.Cổ phiếu quỹ	415			
6.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8.Quỹ đầu tư phát triển	418		40.983.145.510	34.823.275.467
9.Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	
10.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		106.181.443.810	90.502.990.723
a.LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		63.202.716.604	90.502.990.723
b.LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.978.727.206	-
12.Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13.Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		24.879.616.786	24.430.532.324
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1.Nguồn kinh phí	432			
2.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		677.031.786.825	673.165.758.937

Ngày 30 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Thị Hồng Liên


Võ Thị Xuân Lan



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNGMã số thuế : **0309532497**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4-2016	Quý 4-2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm trước	Năm nay
I	2	3				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	163.071.731.006	185.608.630.360	622.754.261.336	679.417.218.684
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		107.746.940	-	120.113.261	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		162.963.984.066	185.608.630.360	622.634.148.075	679.417.218.684
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	123.360.287.322	148.517.470.980	477.742.130.294	539.185.185.958
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		39.603.696.744	37.091.159.380	144.892.017.781	140.232.032.726
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.842.627.263	2.244.395.082	4.764.149.813	6.116.737.239
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.813.997.070	4.062.185.472	18.726.221.506	17.179.450.940
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		5.009.827.800	4.059.915.443	18.521.968.094	17.139.505.698
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				145.859.259	(83.187.230)	50.971.609
9. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.329.237.645	2.511.119.578	5.887.529.073	6.501.773.336
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	16.476.304.905	15.126.471.488	44.464.263.229	42.986.790.506
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		17.826.784.387	17.781.637.183	80.494.966.556	79.731.726.792
12. Thu nhập khác	31	VI.7	203.660.384	644.877.272	584.232.191	1.311.793.632
13. Chi phí khác	32	VI.8	305.335.750	940.339.722	1.535.645.789	1.447.642.055
14. Lợi nhuận khác : (40 = 31 - 32)	40		(101.675.366)	(295.462.450)	(951.413.598)	(135.848.423)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : (50 = 30 +40)	50		17.725.109.021	17.486.174.733	79.543.552.958	79.595.878.369

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4-2016	Quý 4-2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm trước	Năm nay
1	2	3				
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.306.384.782	4.290.266.520	17.064.569.574	16.463.298.875
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	(583.586.557)	(181.814.356)	(519.195.193)	366.168.195
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : 60 = 50 - 51 - 52)	60		14.002.310.796	13.377.722.569	62.998.178.577	62.766.411.299
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty Mẹ	61		13.426.985.980	11.901.346.506	59.096.701.953	58.836.331.795
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		575.324.816	1.476.376.063	3.901.476.624	3.930.079.505
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10			3.309	3.214
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.10			3.309	3.214

Ngày 30 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Liên



Võ Thị Xuân Lan



Bùi Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNGMã Số Thuế : **0309532497**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2

Mẫu số B 03 - DN*(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)***BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****(Theo phương pháp gián tiếp)****tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm trước	Năm nay
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	79.543.552.958	79.595.878.369
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	71.463.785.125	70.458.881.873
-	Các khoản dự phòng	03		116.032.000
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(7.705.161)	(275.899)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.631.634.641)	(6.207.290.951)
-	Chi phí lãi vay	06	18.521.968.094	17.139.505.698
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			
	trước thay đổi vốn lưu động	08	164.889.966.375	161.102.731.090
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	687.992.511	(15.247.432.476)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	331.979.734	(1.609.688.122)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.820.851.821)	23.111.288.593
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(7.827.862.725)	2.344.995.609
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(19.505.391.754)	(17.164.443.804)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.245.187.873)	(20.698.680.046)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.330.900.000	673.750.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.211.075.818)	(9.372.550.248)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	115.630.468.629	123.139.970.596
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(66.045.673.024)	(40.700.252.922)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	53.000.000	727.272.728
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.366.357.982	5.961.608.600

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm trước	Năm nay
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(62.626.315.042)	(35.011.371.594)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn	31	-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	96.089.700.213	47.261.995.627
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(74.768.236.427)	(85.800.781.645)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.725.239.145)	(30.259.379.645)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(2.403.775.359)	(68.798.165.663)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	50.600.378.228	19.330.433.339
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	83.635.769.148	134.244.599.664
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	8.452.288	292.503
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	134.244.599.664	153.575.325.506

Ngày 30 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Liên

Võ Thị Xuân Lan

Bùi Quang Huy